

ẨN DỤ Ý NIỆM VỀ THỜI VẬN TRONG TIẾNG VIỆT NHÌN TỪ MIỀN NGUỒN MÀU SẮC

Nguyễn Thị Liên

Trường Đại học Phú Yên

Email: ngoclienpy@gmail.com

Ngày nhận bài: 11/11/2019; ngày hoàn thành phần biên: 18/12/2019; ngày duyệt đăng: 02/4/2020

TÓM TẮT

Nhận thức và khám phá tận cùng bản thân mình trên tất cả các phương diện là một trong những nhu cầu và cũng là nguồn cảm hứng chưa bao giờ ngừng lại của con người. Ẩn dụ ý niệm dưới góc nhìn của ngôn ngữ học tri nhận là một trong những hình thức ý niệm hóa, một quá trình tri nhận có chức năng biểu hiện và hình thành những ý niệm mới. Trong đó, ẩn dụ ý niệm về thời vận được sử dụng như một công cụ để nhận thức về con người. Trong phạm vi bài báo khoa học này, chúng tôi hướng sự quan tâm vào ẩn dụ ý niệm về thời vận mà trong đó màu sắc là một ý niệm nguồn đã ánh xạ sang miền đích thời vận được người Việt tri nhận.

Từ khóa: Ẩn dụ ý niệm, biểu thức ngôn ngữ, màu sắc, thời vận, miền nguồn, miền đích.

1. MỞ ĐẦU

Lịch sử nghiên cứu ngôn ngữ ghi nhận các hướng tiếp cận ẩn dụ từ nhiều góc độ khác nhau. Từ góc độ ngôn ngữ học tri nhận, ẩn dụ được nhìn nhận là sự ánh xạ tinh thần, phản ánh phương thức tư duy sáng tạo của con người. “*Ẩn dụ thâm nhập khắp nơi trong cuộc sống hàng ngày, không chỉ trong ngôn ngữ mà còn cả trong tư duy và hành động*” [7, tr. 3]. Theo đó, nhờ phương thức ẩn dụ, con người nhận biết thế giới vật chất và tinh thần. Nghiên cứu cơ chế chuyển đổi ý niệm, các nhà nghiên cứu ngôn ngữ học tri nhận đã chỉ ra cơ chế tri nhận của ẩn dụ ý niệm gồm miền nguồn và miền đích, là sự chiếu xạ giữa một miền nguồn có tính vật chất, cụ thể lên một miền đích có tính trừu tượng. Việc lựa chọn cặp nguồn – đích cụ thể nào lại được quyết định thông qua cơ sở trải nghiệm. Nói tóm lại, về bản chất “*ẩn dụ cho phép chúng ta hiểu đối tượng tương đối trừu tượng hoặc đối tượng phi cấu trúc hóa thông qua đối tượng cụ thể hơn hoặc ít ra thông qua đối tượng đã được cấu trúc hóa cao hơn*” [1, tr.71].

Ứng dụng lý thuyết ngôn ngữ học tri nhận vào thực tiễn tiếng Việt, các nhà

Ẩn dụ ý niệm về thời vận trong tiếng Việt nhìn từ miền nguồn màu sắc

ngôn ngữ học tri nhận đặc biệt quan tâm đến các ẩn dụ ý niệm đề cập đến con người với các bình diện tâm lý, tinh thần; xã hội và bình diện sinh học. Trong đó, ẩn dụ về thời vận có tính đặc thù, giúp ích cho việc làm sáng tỏ, nhận thức đầy đủ về ý niệm con người xã hội. Trên thực tế, những biểu thức ngôn ngữ kiểu: *đen bạc, đỏ tình; vận đỏ như son, thời vàng son, vận đen đeo bám, v.v ...* ẩn chứa ý niệm THỜI VẬN LÀ MÀU SẮC xuất hiện khá phổ biến trong tiếng Việt. Bài viết của chúng tôi tập trung khảo sát ẩn dụ cấu trúc về “thời vận” trong tiếng Việt nhìn từ miền nguồn MÀU SẮC nhằm giúp cho người đọc có thêm cái nhìn mới về “con người” nói chung, ý niệm “thời vận” nói riêng thông qua lăng kính của ngôn ngữ tri nhận.

2. MÔ HÌNH ẨN DỤ TRI NHẬN CỦA ẨN DỤ Ý NIỆM VỀ THỜI VẬN TRONG TIẾNG VIỆT NHÌN TỪ MIỀN NGUỒN MÀU SẮC

2.1. Ý niệm “thời vận” trong tiếng Việt

“Thời vận” là khái niệm trừu tượng, khó định nghĩa cụ thể. Từ điển tiếng Việt định nghĩa “thời vận” ở các mục: “thời”, “vận” và “thời vận” với những nét nghĩa cụ thể:

+ Thời: 1. “*khoảng thời gian được xác định một cách đại khái về mặt có những đặc điểm lớn, những sự kiện nào đó*” (thời thơ ấu, thời cổ đại); 2. “*khoảng thời gian thuận lợi hoặc thích hợp để làm một việc gì*” (làm ăn gặp thời, lối sống chờ thời, giải quyết khó khăn kịp thời) [8, tr.922].

+ Vận: “*sự may rủi lớn gặp phải, vốn được định sẵn đâu từ trước một cách thần bí theo quan niệm duy tâm*” (vận may, vận rủi) [8, tr.1066].

+ Thời vận: “*vận may rủi trong một thời gian nào đó*” (thời vận đen đủi, gặp thời vận) [8, tr. 923].

Như vậy, trong cấu trúc nghĩa “thời”, nét nghĩa thứ nhất, “*khoảng thời gian*” được nhấn mạnh bởi với tính chất “*đại khái*” về đặc điểm có tính đặc thù. Đối với người Việt, khoảng thời gian này được thể hiện thông qua những biểu thức ngôn ngữ kiểu: *thời, hồi, lúc, canh...* Ở nét nghĩa thứ hai của khái niệm “thời”, tính chất đặc thù của khái niệm được nhấn mạnh. Theo đó, “thời” gắn liền với tính chất thuận lợi hay không thuận lợi trong hoạt động sống của chủ thể con người, đời sống xã hội trong thời gian nhất định. Thông thường, tính chất này được đánh giá theo chiều hướng thuận lợi, may mắn hay ngược lại, khó khăn và bế tắc. Đặc trưng này được biểu trưng bởi những màu sắc có độ tương phản rõ rệt về thuộc tính cơ bản. Đây chính là cơ sở cho sự tri nhận “thời vận” gắn với “màu sắc” trong tiếng Việt. Mặt khác, trong cấu trúc nghĩa “vận”, tính chất “*may, rủi*” mang tính “*định sẵn từ đâu trước*”, tác động đến con người một cách tự nhiên. Tổng hợp những nghĩa này, chúng tôi suy luận và xác định về khái niệm “thời vận”: Thời vận là chu kỳ vận động một cách hiển nhiên trong một thời gian

nhất định của chủ thể con người, sự vật hay sự việc bất kỳ theo chiều hướng tích cực hay tiêu cực. Đặc trưng chiều hướng gắn liền với ý niệm “thời vận”. Có nghĩa là khi nói đến “thời vận”, những thành tố này đồng thời được kích hoạt và xuất hiện trong tâm trí kéo theo những liên tưởng tương ứng. Chẳng hạn, thành tố “chiều hướng” kích hoạt cho “lên”, “xuống”, “cao”, “thấp”. Thành tố “tích cực”, “tiêu cực” kích hoạt cho “may mắn, thuận lợi; thất bại, bế tắc”. Tiếp tục kích hoạt những thành tố này sẽ kéo theo những liên tưởng được biểu trưng bởi những màu sắc có độ tương phản rõ rệt về thuộc tính cơ bản: màu *đỏ, son, vàng, đen, đen thui*... Đây chính là căn cứ cho sự hình thành các ẩn dụ. Thuộc tính của MÀU SẮC (sắc độ, tính nhiệt, độ sáng, giá trị thẩm mỹ của màu...) phóng chiếu lên miền đích THỜI VẬN tương ứng với đặc trưng thuận lợi/ không thuận lợi; may mắn/ không may mắn trong tri nhận của người Việt về hoạt động sống của con người trong đời sống xã hội.

Có thể thấy, cấu trúc ý niệm “thời vận” bao gồm các thành tố khác nhau. Trong đó, trung tâm của cấu trúc ý niệm là khái niệm “thời”, “vận” gắn liền tính chất đặc thù đã nêu. Các yếu tố ngôn ngữ thường được dùng để thể hiện khái niệm “thời vận” bao gồm: *thời, hồi, con, vận, canh, số, phận*... được chúng tôi xem xét như thành tố biểu đạt khái niệm trung tâm. Các yếu tố ngoại vi như văn hóa vùng miền, văn hóa cá nhân... có sự tác động đến nhận thức của con người về ý niệm trung tâm.

2.2. Quan hệ chiếu xạ của ẩn dụ ý niệm THỜI VẬN LÀ MÀU SẮC trong tiếng Việt

Kết quả nghiên cứu của ngôn ngữ học tri nhận đã cho thấy, ẩn dụ ý niệm là “cách nhìn một đối tượng này thông qua một đối tượng khác” [1, tr. 69]. Về cơ bản, ẩn dụ ý niệm có thể được mô tả dưới dạng MIỀN ĐÍCH LÀ MIỀN NGUỒN (mô hình của ẩn dụ ý niệm là “A là B” (A is B). Miền nguồn là miền khái niệm mà từ đó biểu thức ẩn dụ được rút ra. Miền đích là miền khái niệm lấy cấu trúc của nó từ miền nguồn và được thông hiểu qua liên kết ẩn dụ. Cơ chế chuyển đổi ý niệm của ẩn dụ ý niệm gồm miền nguồn và miền đích, là sự chiếu xạ giữa một miền nguồn (source domain) có tính vật chất, cụ thể lên một miền đích (target domain) có tính trừu tượng. Cơ chế chuyển đổi ý niệm trong ẩn dụ ý niệm **THỜI VẬN LÀ MÀU SẮC** bao gồm bộ ánh xạ các thuộc tính điển dạng của màu sắc. Sự phóng chiếu thuộc tính từ miền nguồn MÀU SẮC lên miền đích THỜI VẬN được chúng tôi cụ thể hóa trong bảng 2.1 (bảng do tác giả xây dựng) sau:

Bảng 2.1. Sự ánh xạ từ miền nguồn MÀU SẮC đến miền đích THỜI VẬN trong tiếng Việt

MIỀN NGUỒN MÀU SẮC	MIỀN ĐÍCH THỜI VẬN	BIỂU THỨC NGÔN NGỮ
Sắc độ, độ sáng, tính nhiệt của màu	Đặc trưng về giá trị tích cực/ thuận lợi, may mắn của đời sống được con người cảm nhận	Trời vẫn chiều vận đỏ; Thời vàng son; vận đen; vì đen nên thất bại; số đỏ.

	Đặc trưng về giá trị tiêu cực/ bất lợi, không may mắn của đời sống được con người cảm nhận	Canh bạc gặp hồi đen; Cờ bạc canh đỏ canh đen, nào ai có đại đem tiền rút đi; Con đen vận túng, vv...
Hoạt động của con người với màu sắc	Ứng xử của con người với thời vận	Nếu một ngày cuộc sống của bạn bị nhuộm màu đen, hãy cầm bút và tô điểm cho nó những vì sao lấp lánh, vv...

Như vậy, khái niệm trừu tượng “thời vận” đã được người Việt tri nhận cụ thể thông qua tri thức, cảm nhận có được của con người về miền nguồn MÀU SẮC. Điều này cho thấy, miền đích THỜI VẬN được chiếu xạ từ miền nguồn MÀU SẮC.

2.3. Mô hình ẩn dụ ý niệm “THỜI VẬN LÀ MÀU SẮC” trong tiếng Việt

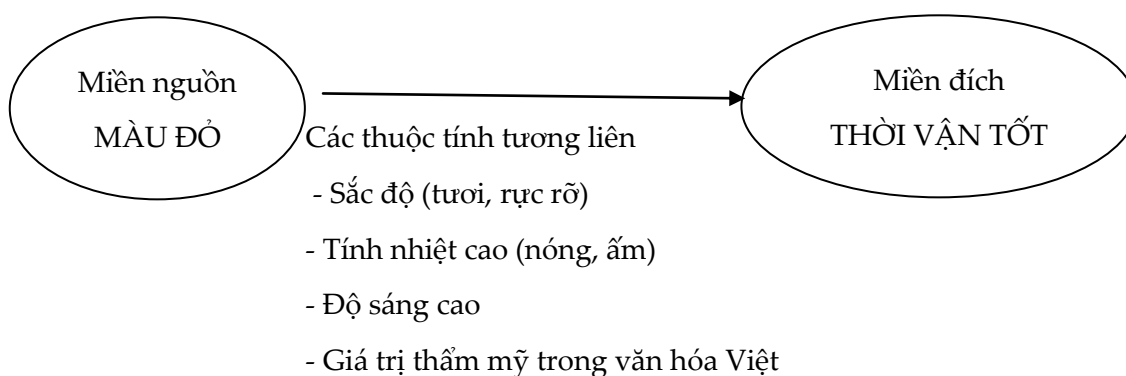
Khảo sát nguồn ngữ liệu với 135 biểu thức ngôn ngữ chứa ẩn dụ ý niệm thời vận, chúng tôi nhận thấy, người Việt đã tri nhận khái niệm trừu tượng “thời vận” thông qua nhận thức cụ thể về “màu sắc” với các thuộc tính cơ bản được lựa chọn. Điều này cho thấy, người Việt đã hình thành một cách tri nhận hữu hiệu và độc đáo với ý niệm thời vận. Với tư duy ý niệm THỜI VẬN LÀ MÀU SẮC, người Việt nhận thức tính chất tốt xấu, may rủi trong hoạt động sống ứng với những màu sắc nhất định. Bằng việc vận dụng cơ chế chi tiết hóa, người Việt đã chú ý làm nổi bật một số phương diện của miền nguồn MÀU SẮC: cơ sở vật lý (sắc độ, độ sáng, tính nhiệt), giá trị thẩm mỹ của màu trong các mô hình tri nhận về “thời vận”. Cơ chế này làm nảy sinh các ẩn dụ thứ cấp: THỜI VẬN TỐT LÀ MÀU ĐỎ/VÀNG; THỜI VẬN XẤU LÀ MÀU ĐEN

+ Ẩn dụ ý niệm THỜI VẬN TỐT LÀ MÀU ĐỎ/VÀNG

Với người phương Đông nói chung và người Việt nói riêng, vận (số) là do trời định, con người khó có thể can thiệp. Con người nhận thức và chấp nhận hệ quả được sắp đặt này. Theo đó, sự may mắn, thành đạt, viên mãn của con người có được trong đời sống thực tại chịu sự tác động, quy định của vận. Cũng như vậy, sự thất bại, kém may mắn trong đời sống vật chất lẫn đời sống tinh thần của mỗi cá nhân và cộng đồng cũng chịu sự chi phối của yếu tố mang tính siêu nhiên (trời, số, mệnh). Gắn với cảm xúc tích cực khi đón nhận niềm vui, sự kiện tác động tốt đến đời sống tinh thần con người, cũng như cảm xúc buồn, tiêu cực khi con người “nhận lấy” sự thất bại, xui xẻo, “thời vận” được nhận diện gắn với “màu sắc”. Tuy nhiên, không phải tất cả các màu được người Việt tri nhận đều được sử dụng với tư cách miền nguồn trong ẩn dụ ý niệm về “thời vận”. Thực tế sử dụng tiếng Việt cho thấy sự lựa chọn màu sắc đặc thù biểu trưng cho tính chất của “thời vận” chịu sự chi phối rõ nét của văn hóa dân tộc. Trong văn hóa Việt, màu đỏ được xem là màu của sự may mắn, mang ý nghĩa biểu trưng tích cực bền vững nhất. Thuộc tính giá trị tích cực của màu đỏ trong văn hóa Việt đã phóng chiếu sang miền đích THỜI VẬN tạo cơ sở cho sự tri nhận khái niệm “thời

vận” gắn với màu đỏ. Cụm từ “số đỏ”, “vận đỏ”, “vận đỏ như son” khiến người ta liên tưởng đến sự may mắn, thuận lợi trong cuộc đời mỗi con người. Sắc độ rực rỡ, tính nhiệt cao của màu đỏ tương ứng với sự tốt đẹp, tươi mới, ấm áp có được do may mắn mang lại trong hoạt động sống của con người. Sự tương ứng thuộc tính giữa hai miền ý niệm cụ thể - trừu tượng: màu sắc và thời vận tạo nên ẩn dụ ý niệm: THỜI VẬN LÀ MÀU SẮC. Từ đó, hình thành ẩn dụ bậc dưới: THỜI VẬN TỐT LÀ MÀU ĐỎ.

Theo đó, người Việt nhận thức sự may mắn, hanh thông trong vận trình đời sống thông qua ý niệm màu sắc, gắn với màu sắc mang đặc tính nổi bật về độ sáng, tính nhiệt: màu đỏ. Có thể hình dung quá trình kích hoạt các thuộc tính từ miền nguồn MÀU SẮC sang miền đích THỜI VẬN của ẩn dụ THỜI VẬN TỐT LÀ MÀU ĐỎ như sau:



Đỏ là màu rất đặc biệt, nó là màu đầu tiên được con người tri nhận. Trong các nền văn hóa nói chung, màu đỏ được xem là màu “sáng rực rỡ, ly tâm là màu của ngày, của dương tính, nó tăng lực, kích thích hoạt động, tỏa chiếu như mặt trời sáng chói trên khắp mọi vật với một sức mạnh bao la...” [4, tr. 304]. Nói chung, màu đỏ được xem là màu của thịnh vượng. Với người Việt, màu đỏ tượng trưng cho sự may mắn và tài lộc, phù hợp với không khí sum vầy và thiêng liêng. Nếu như màu vàng biểu trưng cho sự giàu sang và thịnh vượng, chói lóa lẫn uy nghi (thời hoàng kim) thì chỉ cần một chút màu đỏ cũng đủ để vực dậy tinh thần. Đó chính là sức mạnh vô biên của màu đỏ. Chính vì vậy, màu đỏ được xem như một “vị thần” đem bình an, may mắn đến cho tất cả mọi người. Những giá trị biểu đạt này của màu đỏ cùng với các thuộc tính cơ bản: sắc độ, độ bão hòa, tính nhiệt ảnh hưởng rất lớn đến cảm nhận của người Việt về tính chất tích cực của hoạt động sống. Với xu hướng ấy, người Việt đã dùng màu sắc có đặc điểm nổi bật, dương tính về sắc độ, tính nhiệt này để biểu đạt tính chất may mắn, hanh thông, tích cực trong các hoạt động xã hội, đời sống con người, tạo nên cách tri nhận hữu hiệu và độc đáo với ý niệm “thời vận”. Thuộc tính độ sáng, tính nhiệt được tri giác từ miền nguồn MÀU SẮC ánh xạ sang miền đích THỜI VẬN, trở thành đặc trưng cơ bản để nhận thức tính chất của THỜI VẬN. Nhìn nhận giá trị tích cực của THỜI VẬN thông qua các biểu thức ngôn ngữ gắn liền với màu đỏ là xu hướng dễ nhận thấy trong tiếng Việt:

Ẩn dụ ý niệm về thời vận trong tiếng Việt nhìn từ miền nguồn màu sắc

- *Khôn chẻ vỏ, không bằng đỏ vận.* [3, tr.104]

- *Đúng là các cô gái trong làng có ý tránh anh thật. Sao thế nhỉ? Mà nghĩ cho cùng cũng phải thôi. Người ta tìm đến chỗ đỏ như miếng vông, đông như miếng tiết chứ dại gì tìm đến những người thất thế như mình.* [6, tr. 694]

- *Vận đỏ của Schadenfreude sắp chấm dứt rồi!* [12]

- *Đêm nay, vận đỏ bỏ rơi cậu rồi.* [12]

Thuộc tính của màu đỏ (sắc độ, tính nhiệt, giá trị biểu trưng) được kích hoạt, phóng chiếu lên miền đích THỜI VẬN bằng các ánh xạ tương ứng: sắc độ rực rỡ, tươi mới; tính nhiệt cao của màu tương ứng với sự may mắn, tốt đẹp vốn được xem là giá trị thẩm mỹ đặc thù của màu đỏ trong văn hóa Việt. Thuộc tính giá trị thẩm mỹ của màu đỏ trong văn hóa Việt được kích hoạt, tạo cơ sở cho sự tri nhận khái niệm “thời vận” gắn với màu đỏ. Lựa chọn màu đỏ biểu trưng cho thuộc tính tích cực của “thời vận” có thể nói là một sự lựa chọn vừa mang tính phổ quát đồng thời vừa mang tính đặc thù về văn hóa. Những dạng thể đại diện cho miền nguồn MÀU ĐỎ như: *bông vông, miếng vông, miếng tiết, son*, vv... không phải dân tộc nào cũng ghi nhận, không dễ dàng tìm thấy trong các ngôn ngữ khác. Có thể nói, mỗi một sự vật, dạng thể đại diện cho miền nguồn MÀU SẮC trong tiếng Việt là sự ghi nhận các sắc thái riêng của từng vùng, từng miền quê hương trên đất nước Việt Nam, thể hiện rõ nét tính đặc thù về văn hóa trong các mô hình ẩn dụ ý niệm màu sắc. Điều này cũng có nghĩa là “bộ lọc văn hóa” đã tạo ra sự khác biệt giữa các ẩn dụ trong ngôn ngữ” [9, tr. 89].

So với màu đỏ, màu vàng được xem là “*màu của nam tính, màu của ánh sáng và sự sống, không thể có khuynh hướng tối đi*” [4, tr. 979]. Trong hầu hết các nền văn hóa phương Tây, màu vàng mang đến tâm sự ấm áp của ánh nắng mặt trời. Trong văn hóa phương Đông nói chung, và trong văn hóa Việt nói riêng, màu vàng có ý nghĩa tích cực. Màu vàng là màu sắc hoàng tộc, chỉ dành cho vua chúa. Trong văn hóa xưa, từ các quan đại thần cho đến thường dân, cấm không ai được mặc quần áo hoặc xây dựng nhà cửa màu vàng. Đặc trưng tri nhận về văn hóa, thuộc tính cơ bản (sắc độ, tính nhiệt) của màu vàng trở thành bệ đỡ cho sự tri nhận về “thời vận” của người Việt. Nếu MÀU ĐỎ ánh xạ sang miền đích THỜI VẬN tập trung ở những thuộc tính tương ứng: may mắn, thuận lợi, suôn sẻ thì ở đây MÀU VÀNG ánh xạ lên miền đích THỜI VẬN tương ứng với đặc trưng phát triển mang tính đặc thù của miền đích THỜI VẬN. Các thuộc tính về sắc độ có tính chuyên biệt (rực, tươi) đã ánh xạ sang miền đích THỜI VẬN biểu trưng cho tính chất tích cực (phát triển, thịnh vượng) của “thời vận” trong tri nhận của người Việt. Trong tiếng Việt, biểu tượng “thời vận” gắn với màu vàng thường gọi liên tưởng về sự tươi đẹp, huy hoàng, rực rỡ như chính sắc độ rực, tươi, sáng của màu này:

- *Biết chứ, ta đã từng thường xuyên lui tới các vũ trường trong thời hoàng kim của mình.* [12]

- Vào **thời hoàng kim** của mình, A-thên là trung tâm văn hóa của thế giới cổ đại, đặc biệt nổi bật về lĩnh vực nghệ thuật, triết học, kịch nghệ, hùng biện và khoa học. [12]

+ Ấn dụ ý niệm THỜI VẬN XẤU LÀ MÀU ĐEN/BẠC

Mỗi người trong quá trình trải nghiệm cuộc sống đều có cảm nhận riêng về “thời vận của bản thân”, “vận (số/sở phận) của cô/anh ấy” theo những cách thức khác nhau. Nếu *màu đỏ* tương ứng với tính chất hanh thông của con người trên đường đời, may mắn trong hoạt động, thuận lợi trong công việc thì ngược lại, sự rủi ro, thất bại trong đời sống được biểu trưng bằng *màu đen* âm tính về độ sáng, tính nhiệt. Khảo sát nguồn ngữ liệu, chúng tôi nhận thấy rằng người Việt có xu hướng sử dụng *màu đen/bạc* gắn liền với ý niệm THỜI VẬN để thể hiện cách cảm nhận, đánh giá về giá trị, tính chất tiêu cực trong các hoạt động sống, cuộc sống. Các thuộc tính đặc trưng: sắc độ mờ, tối, âm tính về tính nhiệt, độ sáng của màu đen chiếu xạ lên miền đích THỜI VẬN trong tư duy con người tương ứng với các tính chất (thất bại, trở ngại, khó khăn, hãm hiu ...) của đời sống con người. Với tư duy ý niệm THỜI VẬN LÀ MÀU SẮC, tính chất tiêu cực của THỜI VẬN được cảm nhận bằng thị giác và đánh giá mang tính chủ quan của con người. Mô hình tri nhận (mô hình ánh xạ) các thuộc tính của miền nguồn MÀU SẮC lên miền đích THỜI VẬN có thể được hình dung khái quát qua bảng 2.2 (bảng do tác giả xây dựng) sau:

Bảng 2.2. Mô hình ánh xạ khái quát của ấn dụ ý niệm THỜI VẬN XẤU LÀ MÀU ĐEN

Miền đích THỜI VẬN XẤU	Miền nguồn MÀU ĐEN/BẠC
- Thất bại, bế tắc trong hoạt động sống	- Sắc độ (thui, ngòm, ...)
- Cảm xúc tiêu cực (buồn, thất vọng)	- Tính nhiệt thấp
- Tăm tối, bất hạnh	- Độ sáng thấp

Cấu trúc ấn dụ ý niệm THỜI VẬN XẤU LÀ MÀU ĐEN trong tiếng Việt là một ánh xạ dựa trên các thuộc tính tương ứng giữa miền nguồn màu sắc cụ thể: MÀU ĐEN và miền đích THỜI VẬN, bao gồm các thuộc tính của màu sắc: sắc độ, tính nhiệt, độ sáng, sắc thái cảm xúc. Là một trong những màu cơ bản nằm trong nhóm màu tối, màu đen được xem là màu tối nhất trong bảng màu của con người, đối lập hoàn toàn với màu trắng, âm tính về sắc độ và tính nhiệt (màu lạnh). Tri nhận phổ quát về màu đen gắn liền với sự huyền ảo, bí ẩn và đôi khi là cả tội ác, sự tăm tối, bất hạnh. Trong tiếng Việt *màu đen* gợi liên tưởng về tính chất tiêu cực của thời vận: xui xẻo, thất bại, trở ngại (vận đen, số đen, canh đen, hồi đen):

- *Mặc dù lòng bà tan nát, thấy số mình sao mà đen như quạ, quýt làm cam chịu.* [10, tr.157]

- *Nó cứ đòi đi thăm vợ thằng Đông đi lại tình cảm hai gia đình. Mẹ kiếp! Đỏ tình đen bạc. Làm khổ cả mình. Đã thế còn sĩ, không chịu lên xe về ngay, sợ gặp người làng.* [11, tr.75]

- *Bây giờ chúng ta hãy xem liệu cô ấy có hoá giải vận đen của mình trong việc thua*

Ẩn dụ ý niệm về thời vận trong tiếng Việt nhìn từ miền nguồn màu sắc

ngay 2 hiệp đầu tiên. [12]

- Số mây đen rồi. [12]

- Dính “vận đen” đầu năm, cổ phiếu Quốc Cường Gia Lai bị cảnh báo. [14]

Nhìn chung, cảm quan của người Việt đối với màu đen mang tính tiêu cực. Tri thức cụ thể về màu đen đã trở thành bệ đỡ cho sự tri nhận thuộc tính khái quát, trừu tượng của ý niệm “thời vận”. Gắn với *màu đen*, *vận*, *số*, *phận*... của con người trong thời gian không xác định cụ thể như: *canh*, *hồi*, *lúc*... được nhận thức với đầy đủ mặt trái của nó: sự bế tắc, xui xẻo, khó khăn, u ám.. Mối tương quan hai tông màu sáng – tối, mà tiêu biểu là: đỏ– đen chính là cơ sở cho sự nhận diện các tính chất tích cực và tiêu cực của đời sống xã hội trong tư duy người Việt. Cách tri nhận “thời vận” theo hai chiều hướng trái ngược nhau cho thấy tư duy biện chứng của người Việt trong nhận thức thực tế đời sống.

Cơ chế tri nhận ẩn dụ ý niệm màu sắc gồm miền nguồn MÀU SẮC và miền đích THỜI VẬN. Sự phóng chiếu từ miền nguồn MÀU SẮC sang miền đích THỜI VẬN XẤU không chỉ được cụ thể hóa thông qua sự lựa chọn *màu đen* mà còn được biểu trưng bởi một màu “đặc biệt” là *màu bạc*. Trong tiếng Việt, màu bạc được xem là màu phái sinh “*có màu trắng đục*” (vàng mây bạc, ánh trắng bạc) [8, tr. 22]. Với vai trò miền nguồn, MÀU BẠC, với thuộc tính đặc trưng âm tính về sắc độ: đục, mờ, bàng bạc ánh xạ lên miền đích THỜI VẬN tương ứng với đặc trưng tiêu cực (hầm hiu, bạc bẽo) của thân phận con người trong guồng quay cuộc sống. Thực tế trong tiếng Việt, ẩn dụ THỜI VẬN XẤU gắn liền với màu bạc, thể hiện qua ẩn dụ THỜI VẬN XẤU LÀ MÀU BẠC:

- Phận sao phận bạc như vôi

Đã đành nước chảy hoa trôi lỡ làng. [5, tr. 89]

- Ôi thôi, hồng nhan bạc mệnh, căn số vô duyên thì chịu, than thở làm chi. [2, tr.67]

Mặt khác, tính chất đối nghịch giữa hai mặt tốt xấu của số phận con người, của đời sống xã hội, những giá trị “thời vận” được người Việt nhận thức và ứng xử với một tâm thế chủ động, tích cực qua việc sử dụng phạm trù màu sắc để nói về những nguyên tắc ứng xử, biến đổi vận mệnh con người khi “thất cơ lỡ vận”:

- Có lẽ có một cách để biến sự đen đui của bạn thành vận may của tôi. [12]

- Cuộc sống là bức tranh vô vàn màu sắc có những lúc bạn phải chọn gam màu tối để vẽ cho bức tranh của mình...mặc dù bạn không thích gam màu đó chút nào, nhưng bạn đã chọn một chủ đề cho bức tranh mình và bạn phải tiếp tục để hoàn tất. Bức tranh đó có đẹp hay không còn tùy vào sự lựa chọn sắc màu của bạn. [13]

Với vai trò miền nguồn, “màu sắc” với các thuộc tính cơ bản là cơ sở, nền tảng cho sự tri nhận phạm trù trừu tượng “thời vận” trong tiếng Việt. Sự tương tác giữa

miền nguồn MÀU SẮC và miền đích THỜI VẬN trong việc hình thành ẩn dụ ý niệm THỜI VẬN LÀ MÀU SẮC ở đây là sự chuyển đổi năng động giữa hai phạm trù cụ thể và trừu tượng để tạo ra tín hiệu thẩm mỹ, cung cấp các suy luận hình tượng hóa cho khái niệm trừu tượng THỜI VẬN.

3. KẾT LUẬN

Khảo sát ẩn dụ ý niệm THỜI VẬN LÀ MÀU SẮC, chúng tôi đã cung cấp thêm những minh chứng làm rõ thêm ẩn dụ ý niệm con người ở bình diện xã hội. Trong các ẩn dụ ý niệm về thời vận, các thuộc tính cơ bản của miền nguồn MÀU SẮC được ánh xạ lên miền đích THỜI VẬN. Những phân tích về mô hình ẩn dụ ý niệm THỜI VẬN LÀ MÀU SẮC thông qua hai ẩn dụ tiêu biểu: THỜI VẬN TỐT LÀ MÀU ĐỎ/VÀNG; THỜI VẬN XẤU LÀ MÀU ĐEN/ BẠC cung cấp thêm cơ sở cho phép khám phá cách thức tư duy của người Việt về CON NGƯỜI, cho thấy sự tri nhận về THỜI VẬN có liên quan đến sự tri nhận, trải nghiệm của con người đối với ý niệm màu sắc, chịu sự chi phối của văn hóa dân tộc. Hy vọng rằng, kết quả đạt được sẽ góp phần làm sáng tỏ thêm về cơ sở tư duy và các quá trình nhận thức những biểu tượng tinh thần về thế giới của người Việt.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Trần Văn Cơ (2007), *Ngôn ngữ học tri nhận – Ghi chép và suy nghĩ*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [2]. Hồ Biểu Chánh (2005), *Đóa hoa tàn*, Nxb Phụ nữ, Hà Nội.
- [3]. Việt Chương (2009), *Từ điển thành ngữ, tục ngữ, ca dao Việt Nam*, Quyển hạ, Nxb Tổng hợp, Đồng Nai.
- [4]. Jean Chevalier, Alain Gheerbrant (Phạm Vĩnh Cư chủ biên dịch) (2016), *Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới – huyền thoại, chiêm mộng, phong tục, cử chỉ, dạng thể, các hình, màu sắc, con số*, Nxb Đà Nẵng.
- [5]. Nguyễn Du (2009), *Truyện Kiều*, NXB Trẻ, Hà Nội.
- [6]. Nguyễn Xuân Khánh (2010), *Đội gạo lên chùa*, Nxb Phụ nữ, Hà Nội.
- [7]. G. Lakoff, M. Johnon (1980), *Metaphors We live by*, The University of Chicago Press, Chicago and London.
- [8]. Hoàng Phê (1997), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng
- [9]. Nguyễn Thị Kiều Thu, Bạch Thị Thu Hiền (2014), “Ẩn dụ và mô hình văn hóa”, *Tạp chí Phát triển KH&CN*, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, tr. 87-100.
- [10]. Nguyễn Khắc Trường (2002), *Mảnh đất lắm người nhiều ma*, Nxb Hội nhà văn, Hà Nội.
- [11]. Đỗ Minh Tuấn (2011), *Thần thánh và bướm bướm*, Nxb Hội nhà văn, Hà Nội.

Ảnh dụ ý niệm về thời vận trong tiếng Việt nhìn từ miền nguồn màu sắc

[12]. <https://vi.glosbe.com/vi/en/th%E1%BB%9Di%20ho%C3%A0ng%20kim?page=3>

[13]. <https://anvietnam.net/2014/08/06/cuoc-song-khong-la-mau-hong-nhung-ta-co-the-xem-no-mau-hong/>

[14]. <https://www.24h.com.vn/kinh-doanh/dinh-van-den-dau-nam-co-phieu-quoc-cuong-gia-lai-bi-can-hao-c161a1028085.html>

THE CONCEPTUAL METAPHORS OF THE FATE IN VIETNAMESE IN THE PERSPECTIVE OF THE SOURCE DOMAIN OF THE COLOURS

Nguyen Thi Lien

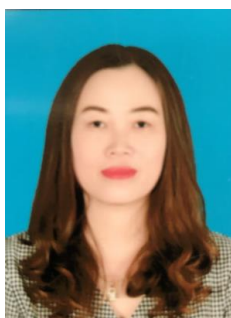
Phu Yen University

Email: ngoctienpy@gmail.com

ABSTRACT

Realizing and exploring ourselves in all aspects is one of the needs and endless inspirations of human beings. The conceptual metaphor in the perspective of the cognitive linguistics is one of the forms of conceptualization – a cognitive process with the function of expressing and forming the new ideas. In which, the conceptual metaphors of the fate are used as a tool to be conscious of human beings. In the scope of this research paper, we focus on the conceptual metaphors of the fate, in which the colours are cognized as the source domain reflecting the target domain of the fate.

Keywords: conceptual metaphor, language expressions, colours, fate, source domain, target domain .



Nguyễn Thị Liên sinh ngày 07/5/1974 tại Thanh Hóa. Năm 1996, bà tốt nghiệp Đại học chuyên ngành Ngữ văn trường Đại học Sư phạm Qui Nhon. Năm 2004, bà tốt nghiệp Thạc sĩ chuyên ngành Lí luận Ngôn ngữ trường Đại học Khoa học, Đại học Huế. Từ năm 2004 đến nay, bà là giảng viên trường Đại học Phú Yên.

Lĩnh vực nghiên cứu: Ngôn ngữ học.